

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/HNGĐ  
Ngày 29/6/2022  
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Đức Cần

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Hiền

Ông Trần Văn Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân quận T

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa:** Bà Đàm Thị Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2021/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐ - ST ngày 05/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐ - ST ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974**

HKTT: Cụm 4 thôn Ngã Tư, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Cư trú: Số nhà 8 khu 1 thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố H(Có mặt)

**2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1972**

HKTT và cư trú: Số nhà 15 ngách 35/68 Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận T, Thành phố H( Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/02/2021 và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Quang H kết hôn năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây(cũ). Nay là Thành phố H.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc. Anh H thường xuyên uống rượu đánh đập, mắng chửi vợ con, tôi đã nhờ hội phụ nữ và công an địa phương can thiệp nhiều lần nhưng không có hiệu quả. Vợ chồng sống ly thân được 11 năm, anh H trợ cấp và cũng không thăm nom con chung. Nay tôi xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu H sinh năm 2009. Ly hôn chị N xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn là anh Nguyễn Quang H nhận giấy triệu tập, nhưng không đến tòa án làm việc và cũng không làm bản tự khai nộp cho tòa án.*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn không có lời khai

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào thực tế, vợ chồng chị Nanh Hsống ly thân đã lâu không ai quan tâm đến ai, đề nghị HĐXX áp dụng điều 56 Luật HNGĐ xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nhung.

- Áp dụng điều 81, 82, 83, giao 01 con chung là Nguyễn Thu H, sinh năm 2009 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

- Tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

- Chị N phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang H có đăng ký HKTT và cư trú tại số nhà 15 ngách 35/68 Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận T, Thành phố H. Chị N có đơn xin ly hôn với anh H, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo chấp hành nghĩa vụ tố tụng, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H từ chối viết giấy tự khai, từ chối để Tòa án lập biên bản lấy lời khai và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Việc anh H cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức tỉnh Hà Tây(cũ) ngày 11/6/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị N: trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Anh H uống rượu và không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng đã ly thân 11 năm, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng như lời khai của đương sự đều xác nhận hiện anh H, chị N mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Chị N xác định, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thu H sinh năm 2009. Ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Quang H. Chị N được ly hôn với anh H.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 2009 cho chị N nuôi sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp biên lai số 4243 ngày 20/11/2020 tại chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nơi nhận:**

- VKSND quận T
- Chi cục THADS q.T
- Đường sự

**Đào Đức Cần**